TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỒNG XUÂN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04/8/2023
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vĩnh Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tiến

2. Bà Đặng Thị Dên

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Bùi Thị Trang – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên tham gia phiên toà:* Ông Bùi Văn Lâm – Kiểm sát viên.

Vào ngày 04 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án Nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 50/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 về *"Tranh chấp ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/7/2023 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Anh Đỗ Thành D – sinh năm 1996*

Địa chỉ: Thôn S, xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

***Bị đơn**: Chị Nguyễn Thị Trúc L – sinh năm 1997*

Địa chỉ: Thôn S, xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và lời trình bày của nguyên đơn anh Đỗ Thanh D tại phiên tòa như sau:***

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L có thời gian tìm hiểu với nhau khoảng 01 năm, đến tháng 9 năm 2016 thì anh chị tự nguyện xây dựng gia đình với nhau. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên. Vợ chồng cưới nhau về ở chung với cha mẹ ruột anh D tại thôn S, xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên. Cuộc sống chung vợ chồng sau khi kết hôn có hạnh phúc được 03 năm đầu. Sau đó thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng không thể nào hòa hợp được, vợ chồng cãi vã chị L dẫn đứa con nhỏ về ở phía cha mẹ của L ở từ năm 2019 cho đến nay không về. Thỉnh thoảng chị L có về thăm đứa con lớn, gia đình có hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nuôi con nhưng chị L không thống nhất về. Anh D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đem lại hạnh phúc nên anh D có nói với chị L nếu không về ở thì anh làm đơn xin ly hôn, chị L cũng đồng ý ly hôn nhưng không về Tòa án để làm việc. Hôm nay, anh D yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

- Về con chung: Anh D và chị L có 02 con chung: Đỗ Thiện C- sinh ngày 01/10/2016 hiện ở với anh D và Đỗ Thiện N – sinh ngày 21/7/2018 hiện đang ở với chị L. Sau khi ly hôn, anh D yêu cầu được nuôi con Đỗ Thiện C, còn chị L nuôi con Đỗ Thiện N, không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, xây dựng hồ sơ, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn chị Nguyên Thị Trúc L để lấy lời khai, tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị L không đến Tòa để làm việc. Tại phiên tòa hôm nay chị L tiếp tục vắng mặt.

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự; Riêng bị đơn không thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đỗ Thành D.

- Về con chung: Anh D và chị L có 02 con chung: Đỗ Thiện C- sinh ngày 01/10/2016 hiện ở với anh D và Đỗ Thiện N – sinh ngày 21/7/2018.

Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận giao cháu Đỗ Thiện C cho anh D và cháu Đỗ Thiện N cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- về án phí HNGĐ sơ thẩm: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc anh D phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng chẵn)* án phí HNGĐ sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Đỗ Thành D có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Trúc L. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp ly hôn". Chị L có địa chỉ tại thôn S, xã X, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được Tòa án thực hiện đầy đủ việc tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh D và chị L có thời gian tìm hiểu với nhau khoảng 01 năm, đến năm 2016 thì anh chị tự nguyện xây dựng gia đình với nhau. Có

đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận kết hôn số 65 ngày 19/9/2016. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được 03 năm đầu. Sau đó thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng và chị L dẫn đứa con nhỏ về ở phía cha mẹ của L ở từ năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đem lại hạnh phúc nên anh D làm đơn yêu cầu xin ly hôn. Chị L biết việc anh D làm đơn xin ly hôn. Tuy nhiên, chị L không đến Tòa để làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án.

Ngày 12/6/2023 Tòa án tiến hành xác minh tại Công an xã X, Huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Qua kiểm tra trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và nơi chị L đăng ký hộ khẩu thường trú thì chị L vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại thôn S, xã X, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên nhưng chị L không có mặt ở tại địa phương. Hiện nay chị L sinh sống ở đâu, làm gì Công an xã không rõ vì chị L không thuộc đối tượng theo dõi, quản lý theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn, cuộc sống chung giữa anh D và chị L có hạnh phúc được 03 năm đầu, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng. Từ năm 2019 cho đến nay anh D và chị L khoogn còn sống chung với nhau. Xét thấy, tình cảm giữa anh D và chị L thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D đối với chị L là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Về con chung: Anh D và chị L có 02 con chung: Đỗ Thiện C- sinh ngày 01/10/2016 hiện ở với anh D và Đỗ Thiện N – sinh ngày 21/7/2018. Sau khi ly hôn anh D yêu cầu được trực tiếp nuôi Đỗ Thiện C, chị L nuôi con Đỗ Thiện N. Xét thấy cháu Nhân lâu nay ở với anh D và cháu N cũng có nguyện vọng ở với ba, còn cháu C lâu nay ở với chị L. Do vậy giao cháu N cho anh D và cháu C cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu nên HĐXX không xét giải quyết

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh D không yêu cầu nên không xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc anh D phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẵn) án phí HNGĐ sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Tuyên xử: **Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Thành D.**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Thành D được ly hôn với chị Nguyễn Thị Trúc L.

[2]. Về con chung: Giao cháu Đỗ Thiện C - sinh ngày 01/10/2016 cho anh D và cháu Đỗ Thiện N – sinh ngày 21/7/2018 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Anh D, chị L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về án phí HNGĐ-ST: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Đỗ Thành D phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng chẵn)* án phí HNGĐ-ST nhưng được trừ vào số tiền anh D đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng chẵn*) theo biên lai số 0000859 ngày 17/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

[4]. Về quyền kháng cáo: Anh Đỗ Thành D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Trúc L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Vĩnh Long

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Đồng Xuân;
- UBND xã X;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.